

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm

Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 489/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, đòi tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Kim Y, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp LX, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Hồng Quốc D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp LX, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Lệ T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp LX, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Y có mặt; anh D và bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Kim Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Hồng Quốc D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2018. Sau khi kết hôn thì chị Y và anh D chung sống bên gia đình anh D tại ấp LX, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian chung sống chị Y và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn do vấn đề vàng cưới, không thể tiếp chung sống với nhau nên đã

ly thân từ tháng 5 năm 2020. Trong thời gian sống ly thân chị Yến và anh D có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị Y xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Y xác định chị và anh D có 01 con chung tên Hồng Lê Trúc Q, sinh ngày 21/01/2019. Khi chị Y về nhà cha ruột sống vào tháng 5 năm 2020 thì chị có đem con theo, khoảng tháng 08 năm 2020 anh D qua thăm con, anh D đe dọa gia đình chị buộc phải giao cháu Q cho anh D, do sợ anh D làm điều không tốt đối với cháu Q nên chị đã để cho anh D đem cháu Q về nhà anh D; sau đó chị có qua nhà anh D để bắt con về nhưng anh D ngăn cản, do đó chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Y xác định cháu Q hiện nay do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới bà Nguyễn Lệ T cho chị và anh D 02 lượng vàng 24k, 05 chỉ vàng 18k, sau đó không nhớ thời gian nào bà T mượn số vàng trên, do là mẹ con nên khi chị Y cho bà T mượn vàng không làm giấy tờ, không ai chứng kiến; yêu cầu bà T trả vàng để chia đôi với anh D. Ngoài ra, bà Nguyễn Lệ T còn mượn của chị 01 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18k, không nhớ cho mượn thời gian nào, khi cho mượn cũng không làm giấy tờ, không ai khác chứng kiến, đây là tài sản riêng của chị nên yêu cầu bà T trả.

Trong quá trình quá quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Y rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Thủy trả 02 lượng vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k để chia đôi với anh D; không yêu cầu bà T trả cho chị 01 lượng vàng 24k và 4,5 chỉ vàng 18k; chỉ yêu cầu bà T trả cho chị 5,5 chỉ vàng 18k, loại vàng lưu hành tại địa phương.

Về nợ chung: Chị Y xác định trong thời gian chung sống chị và anh D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồng Quốc D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh D vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lệ T trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020: Bà là mẹ ruột của anh D, là mẹ chồng của chị Y, sau khi kết hôn thì anh D và chị Y sống chung với bà, trong thời gian chung sống thì chị Y và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến vàng cưới, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Y và anh D đã ly thân từ tháng 5 năm 2020. Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh D thì bà cũng không có ý kiến gì.

Trong thời gian chung sống chị Yến và anh D có một con chung tên Hồng Lê Trúc Q. Khi chị Y về nhà cha mẹ ruột sống thì có đem cháu Q theo, khoảng tháng 10 năm 2020, anh D có qua nhà chị Y thăm con và đem con về nuôi cho đến nay, do bà không qua nhà của chị Y nên không biết anh D có đe dọa gia đình chị Y để bắt con về hay không. Trong thời gian anh D nuôi cháu Q thì chị Y có về

thăm và bắt con đi nhưng gia đình bà ngăn cản. Từ tháng 10 năm 2020 anh D để cháu Q lại cho bà nuôi dưỡng để đi làm.

Khi tổ chức lễ cưới thì bà cho anh D và chị Y 02 lượng vàng 24k và 05 lượng vàng 18k, số vàng này do chị Y và anh D giữ. Không nhớ thời gian nào bà có mượn của chị Y 5,5 chỉ vàng 18k, đây là vàng riêng của chị Y, bà cũng đồng ý trả số vàng này cho chị Y. Ngoài ra, thì bà không mượn số vàng nào khác của chị Y và anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228, Điều 92, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 496 Bộ luật dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Kim Y đối với anh Hồng Quốc D; giao cháu Hồng Lê Trúc Q, sinh ngày 21/01/2019 cho chị Lê Kim Y tiếp tục nuôi dưỡng, chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim Y đối với bà Nguyễn Lệ T, buộc bà Nguyễn Lệ T trả cho chị Lê Kim Y 5,5 chỉ vàng 18k, loại vàng lưu hành tại địa phương; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim Y đối với bà Nguyễn Lệ T, về việc yêu cầu bà T trả 02 lượng vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k để chia đôi với anh D, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y đối với bà T về việc yêu cầu bà T trả 01 lượng vàng 24k và 4,5 chỉ vàng 18k; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y về việc yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Y phải chịu, bà Nguyễn Lệ T phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật; tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Kim Y yêu cầu ly hôn với anh Hồng Quốc D, anh D cư trú tại ấp LX, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Hồng Quốc D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lê T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D và bà T.

[3] Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 chị Y yêu cầu bà Nguyễn Lê T trả 02 lượng vàng 24 và 05 chỉ vàng 18k để chia đôi với anh D, yêu cầu bà T trả 01 lượng vàng 24k và 01 lượng 18k cho chị, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu Hồng Lê Trúc Q mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Y chỉ yêu cầu bà T trả cho chị 5,5 chỉ vàng 18k, loại vàng lưu hành tại địa phương, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T, không yêu cầu bà T trả 02 lượng vàng 24k, 05 chỉ vàng 18k để chia đôi với anh D; không yêu cầu bà T trả cho chị 01 lượng vàng 24k và 4,5 chỉ vàng 18k; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý kiến tự nguyện của chị Y, phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y đối với bà T và anh D.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y yêu cầu ly hôn với anh Hồng Quốc D, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Y và anh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2018 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị Y xác định trong thời gian chung sống với anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đã ly thân từ tháng 5 năm 2020, mặc dù đã được cha mẹ hai bên hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020 (Bút lục 35, 36), bà Nguyễn Lê T là mẹ ruột của anh D cũng xác định chị Y và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình đã hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh D tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do thể hiện anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị Y và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh D.

[5] Về con chung: Chị Y xác định chị và anh D có 01 con chung tên Hồng Lê Trúc Q, sinh ngày 21/01/2019, cháu Q hiện nay do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Xét yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 05/02/2021) cháu Q dưới 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con...”*; xét về điều kiện nuôi con thì chị Y xác định chị có buôn bán, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng nên chị Y đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Như vậy, căn cứ theo quy định pháp luật nêu

trên và căn cứ vào điều kiện thực tế thì thấy rằng cháu Q còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và cháu Q là con gái nên cần được sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ để cháu phát triển tốt. Do đó, cần phải tiếp tục giao cháu Q cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Chị Y không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Đối với yêu cầu của chị Y yêu cầu bà Nguyễn Lệ T trả 5,5 chỉ vàng 18k, loại vàng lưu hành tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020 (Bút lục 35, 36), bà Nguyễn Lệ Thủy thừa nhận có mượn của chị Y 5,5 chỉ vàng 18k, đây là tài sản riêng của chị Y. Căn cứ khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Y đối với bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 496 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định chị và anh D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Y phải chịu số tiền 300.000 đồng. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm 01 chỉ vàng 18k có giá bán ra 4.076.700 đồng; $5,5 \text{ chỉ vàng } 18k \times 4.076.700 \text{ đồng} / 01 \text{ chỉ} = 22.421.850 \text{ đồng}$; $22.421.850 \text{ đồng} \times 5\% = 1.121.092 \text{ đồng}$. Như vậy, án phí có giá ngạch buộc bà Nguyễn Lệ T phải chịu số tiền 1.121.092 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 496 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Kim Y đối với anh Hồng Quốc D.

2. Về con chung: Giao cháu Hồng Lê Trúc Q, sinh ngày 21/01/2019 cho chị Lê Kim Y tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh Hồng Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim Y đối với bà Nguyễn Lệ T. Buộc bà Nguyễn Lệ T trả cho chị Lê Kim Y 5,5 chỉ vàng 18k, loại vàng lưu hành tại địa phương.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim Y đối với bà Nguyễn Lệ T về việc yêu cầu bà Nguyễn Lệ T trả 02 lượng vàng 24k, 05 chỉ vàng 18k để chia khi ly hôn; yêu cầu bà Nguyễn Lệ T trả 01 lượng vàng 24k và 4,5 chỉ vàng 18k và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y đối với anh Hồng Quốc D.

6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Kim Y phải chịu 300.000 đồng. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007884 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

- Án phí có giá ngạch buộc bà Nguyễn Lệ T phải chịu số tiền 1.121.092 (một triệu một trăm hai mươi một nghìn không trăm chín mươi hai) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị Lê Kim Y không phải chịu án phí đòi tài sản. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.287.000 (ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007885 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 3.287.000 (ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Kim Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Hồng Quốc D và bà Nguyễn Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã DT;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni